

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – ĐỒNG NAI**

Bản án số: 47/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2025

V/v: “Ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Thái.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Vương Thị Dung.

2. Bà Trương Thị Lệ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai không tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 7 - Đồng Nai, xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 290/2025/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2025 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Út C, sinh năm 1973.

Số căn cước công dân 075173005807 cấp ngày 08/7/2021.

2. *Bị đơn:* Anh Võ Quốc V, sinh năm 1972.

Số căn cước công dân 080072014919 cấp ngày 05/9/2022.

Cùng địa chỉ: Ấp S, xã P, tỉnh Đồng Nai.

(Các đương sự đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/5/2025, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Út C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh V tự nguyện đăng ký kết hôn; được Ủy ban nhân dân xã P cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2006 ngày 07/3/2006.

Quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc do không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã. Chị nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh V, mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Quốc V.

Về con chung: Có 02 con chung tên là Võ Thị Tú N, sinh ngày 18/8/1996 và Võ Văn N1, sinh ngày 07/10/1999. Hiện nay con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì chị bận công việc nên yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Ngoài ra chị không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề khác.

- Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho anh Võ Quốc V đúng theo quy định pháp luật nhưng anh V không có văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Võ Quốc V có địa chỉ tại ấp S, xã P, tỉnh Đồng Nai nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Đồng Nai theo khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Út C khởi kiện yêu cầu ly hôn nên quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Về luật áp dụng: Chị Nguyễn Thị Út C và anh Võ Quốc V đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2006 ngày 07/3/2006 nên áp dụng luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và 2014 để giải quyết vụ án.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Út C và anh Võ Quốc V tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 26/2006 ngày 07/3/2006 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn: Chị Út C xin ly hôn vì lý do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng quan điểm dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Anh V đã được triệu tập đến Tòa án để hòa giải, đoàn tụ nhưng không đến nên có đủ cơ sở khẳng định vợ chồng chị Út C, anh V thật sự mâu thuẫn, không còn yêu thương, quý trọng, chăm sóc lẫn nhau. Xét thấy hôn nhân giữa chị Út C và anh V lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 53, 54, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Út C được ly hôn với anh Võ Quốc V.

Về con chung: Chị Út C và anh V có 02 con chung tên là Võ Thị Tú N, sinh ngày 18/8/1996 và Võ Văn N1, sinh ngày 07/10/1999. Hiện nay các con chung đều đã thành niên, có khả năng lao động nên Tòa án không giải quyết về nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Út C phải chịu 300.000đ tiền án phí theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 68, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 51, 53, 54, 56 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Út C được ly hôn với anh Võ Quốc V.

2. Về con chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Út C phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí chị Út C đã nộp theo biên lai số 0011906 ngày 19/4/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được chuyển thành tiền án phí. Chị Nguyễn Thị Út C đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Út C và anh Võ Quốc V được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- VKSND KV7-Đồng Nai;
- Thi hành án dân sự KV7-Đồng Nai;
- UBND xã Phú Vinh, tỉnh Đồng Nai
(GCNKH số 26/2006; ;quyển số 01/2007
Ngày07/3/2006)
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Thái